

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm; Ông Trần Đăng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn K, sinh năm 1991 tại huyện L, tỉnh B; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 3/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (đã chết) và con bà Hứa Thị N (sinh năm 1954); Có vợ là Trần Thị N (sinh năm 1993) và có một con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/10/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Thi Văn H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
 2. Anh Thi Văn T, sinh năm 1988 (Có mặt)
 3. Anh Vương Văn T, sinh năm 1991 (Có mặt)
 4. Anh Vương Văn V, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
 5. Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
- Đều trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B.
6. Anh Trần Văn C, sinh năm 1980 (Vắng mặt)
 7. Anh Trần Văn Q, sinh năm 2000 (Có mặt)
 8. Chị Mã Thị S, sinh năm 1982 (Có mặt)

9. Anh Vương Văn T, sinh năm 1981 (Có mặt)
Đều trú tại: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh B.
10. Anh Lục Văn N, sinh năm 1997 (Có mặt)
Trú quán: Thôn Đ, xã G, huyện S, tỉnh B.
11. Anh Lục Văn Q, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn K, xã Q, huyện S, tỉnh B.
12. Anh Trần Văn N, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh B.
13. Anh Trần Văn P, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
14. Chị Lý Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Đều trú tại: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh B.
15. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
16. Anh Trần Văn D, sinh năm 2000 (Có mặt)
Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.
17. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.
18. Anh Trần Văn C, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh B.
19. Anh Trần Văn M, sinh năm 1967 (Vắng mặt)
20. Chị Trần Thị M, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
21. Anh Nông Văn T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B.
22. Anh Vi Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2010 đến đầu năm 2017, Trần Văn K, sinh năm 1991; trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B đã nhiều lần vượt biên trái phép sang Trung Quốc để lao động làm thuê (chặt mía thuê). Thời gian lao động làm thuê tại Trung Quốc, do K biết nói tiếng địa phương nên giao dịch được với một số chủ người Trung Quốc và được những người này nhờ nếu có lao động Việt Nam có nhu cầu sang làm thuê thì đưa sang Trung Quốc để làm. Đầu năm 2017 khi K từ Trung Quốc trở về Việt Nam ăn tết thì có một số anh em người nhà và người dân địa phương biết việc K làm ở Trung Quốc được tiền, có quen với chủ Trung Quốc nên có ý muốn đi cùng K. K đồng ý đưa mọi người vượt biên sang Trung Quốc lao động làm thuê. Sau đó K gọi điện cho chủ Trung Quốc và thông báo cho mọi người thời gian, địa điểm đón xe để chuẩn bị đi.

Buổi sáng ngày 06/02/2017 (tức ngày 10/01/2017 âm lịch), Trần Văn K điện thoại cho anh Lãnh Văn H, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh B để thuê xe đưa người lao động lên khu vực huyện L, tỉnh L rồi vượt biên sang Trung Quốc nhưng do xe bận nên anh H đã cho K số điện thoại của xe khách chạy tuyến L – L S để K tự thuê xe và thỏa thuận giá cả. Khoảng 14 giờ cùng ngày, xe ô tô K thuê đến khu vực ngã 3 thôn Đ, xã B, huyện L để đón Trần Văn K và một số lao động gồm: Thi Văn H sinh năm 1993, Thi Văn T sinh năm 1988, Vương Văn T sinh năm 1991, Vương Văn V sinh năm 1992, Thi Thị Đ sinh năm 1992 đều trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B; Trần Văn C sinh năm 1980, Trần Văn Q sinh năm 2000, Mã Thị S sinh năm 1982, Vương Văn T sinh năm 1981 đều trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh B; Lục Văn N sinh năm 1997, trú tại thôn Đ, xã G, huyện S, tỉnh B và Lương Văn Q sinh năm 1986, trú tại thôn K, xã Q, huyện S, tỉnh B. Sau đó, xe ô tô di chuyển lên khu vực gần nhà nghỉ Bình Minh thuộc thôn B, xã B, huyện L, tỉnh B đón Trần Văn N sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh B; Trần Văn P sinh năm 1983 và Lý Thị T sinh năm 1984 đều trú tại thôn N, xã P, huyện L, tỉnh B; Hoàng Thị N sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B; Hoàng Văn P sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B; Trần Văn C sinh năm 1997 trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh B và hai người bạn của C (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ). Sau khi đón được các lao động, xe ô tô quay lại và đi xuống khu vực ngã 3 xã T, huyện L đón ông Vi Văn M sinh năm 1967 cùng vợ là Trần Thị M sinh năm 1973; Nông Văn T sinh năm 1977 đều trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B và Trần Văn Di sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh B. Sau đó, xe tiếp tục di chuyển theo Quốc lộ 279 từ xã T lên khu vực ngã ba thôn C, xã P, huyện L để đón Vi Văn T sinh năm 1983, trú tại thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B. Khi đã đón hết số người lao động đi vượt biên, xe chạy theo hướng lên xã C để đi sang tỉnh L S. Khi xe đang trên đường đi L S thì K gọi điện cho một người tên là D (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) mà K quen trước đó để bảo D dẫn mọi người vượt biên sang Trung Quốc và thống nhất địa điểm dừng xe, số tiền thuê D dẫn vượt biên. Sau đó, K trực tiếp thu của mỗi lao động số tiền 250.000 đồng là tiền xe và tiền thuê D dẫn vượt biên sang Trung Quốc. Khi xe ô tô đi đến khu vực trung tâm huyện L, tỉnh L thì dừng lại. K thanh toán cho chủ xe tiền xe của K và 24 người lao động khác hết số tiền 2.500.000 đồng (100.000 đồng/1 người) như đã thỏa thuận trước đó. Sau đó, K bảo mọi người lên xe loại nhỏ đón khách gần đó để đi vào khu vực cửa khẩu Chi Ma để gặp D, đồng thời mọi người cùng nghỉ ngơi và ăn tối tại đây. Khi gặp D, Khải đưa cho D số tiền 3.750.000 đồng là tiền thuê D dẫn vượt biên và thuê xe chở từ L lên khu vực cửa khẩu Chi Ma (mỗi người 150.000 đồng). Khoảng 23 giờ cùng ngày, D dẫn K cùng 24 người lao động vượt biên sang Trung Quốc bằng đường đồi nhưng do lúc này có Bộ đội Biên phòng Việt Nam đi tuần tra, không vượt biên được nên D dẫn mọi người quay lại. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/02/2017 (tức ngày 11/01/2017 âm

lịch), D tiếp tục dẫn mọi người vượt biên sang Trung Quốc. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày thì sang đến Trung Quốc, D quay lại còn K và mọi người lên xe loại nhỏ do chủ Trung Quốc bố trí sẵn ở đó để đi về chỗ làm. Khoảng 07 giờ cùng ngày, mọi người đến chỗ làm việc ở tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và nghỉ ngơi tại đây đến ngày 08/02/2017 thì bắt đầu làm việc. Quá trình làm việc ở Trung Quốc, mọi người chia nhau làm 03 tổ và hợp đồng riêng với chủ người Trung Quốc để lao động làm thuê. Tổ 1 gồm Thi Văn T, Vương Văn T, Vương Văn V, Lục Văn N, Lương Văn Q do Thi Văn T trực tiếp đứng ra hợp đồng và chấm công. Tổ 2 gồm Vi Văn M, Trần Thị M, Nông Văn T. do Vi Văn M chấm công và thanh toán tiền với chủ người Trung Quốc. Tổ 3 gồm Trần Văn K, Thi Văn H, Thi Thị Đ, Trần Văn C, Trần Văn Q, Mã Thị S, Vương Văn T, Trần Văn N, Trần Văn P, Lý Thị T, Hoàng Thị N, Trần Văn D, Hoàng Văn P, Vi Văn T, Trần Văn C và 02 người bạn của C do Trần Văn K trực tiếp đứng ra hợp đồng, chấm công và thanh toán tiền với chủ người Trung Quốc. Khi chủ Trung Quốc thanh toán tiền công cho tổ của T do T không ra thanh toán nên K có đứng ra thanh toán với chủ người Trung Quốc rồi trả tiền cho mọi người. Mọi người làm thuê (chặt mía) tại Trung Quốc đến ngày 12/3/2017 thì quay về Việt Nam. Khi về, chủ người Trung Quốc bố trí xe đưa mọi người ra khu vực biên giới giáp tỉnh L S. Khi đến gần biên giới, K lại gọi điện thoại cho D để thuê D đến dẫn đường vượt biên trở về Việt Nam. D dẫn mọi người vượt biên đến khu vực cửa khẩu Chi Ma rồi thuê xe loại nhỏ đưa mọi người đến huyện L, tỉnh L S. Sau đó, D trực tiếp đứng ra thu của mỗi người 130.000 đồng là tiền dẫn vượt biên về Việt Nam và tiền thuê xe đưa mọi người từ khu vực cửa khẩu Chi Ma về L, sau đó mọi người tự thuê xe để về nhà. Sau khi trở về Việt Nam, anh Thi Văn T cho rằng Trần Văn K còn nợ tiền công của anh T không trả nên anh T đã làm đơn tố cáo đề nghị xử lý K về hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 02/KSĐT ngày 31/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Trần Văn K về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn K khai: Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo về tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" là oan cho bị cáo. Bị cáo khẳng định những người liên quan trong vụ án này là những người chủ động xin bị cáo cho đi cùng sang Trung Quốc làm thuê chứ bị cáo không rủ rê, lôi kéo ai, bị cáo không tổ chức cho những người này vượt qua biên giới. Bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc đưa những người này sang Trung Quốc. Bị cáo khẳng định có thu của mỗi người 250.000 đồng là tiền thuê xe ô tô đi lên cửa khẩu và tiền thuê xe, thuê người dẫn đường qua biên giới sang Trung Quốc. Số tiền bị cáo thu của những người đi cùng đã chi trả tiền xe và tiền thuê người dẫn đường qua biên giới hết. Ngoài việc liên hệ thuê xe, thu tiền xe, liên lạc với người dẫn đường qua

biên giới thì bị cáo không tổ chức, bàn bạc hay thu thêm khoản tiền gì của nhóm người này. Những lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật, bị cáo không bị ép cung, nhục hình hay bị hướng dẫn khai. Về vấn đề anh Thi Văn T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 11.500.000 đồng là tiền công của anh T khi chặt mía thuê bên Trung Quốc. Quan điểm của bị cáo là không đồng ý với yêu cầu trên của anh Tám, bị cáo khẳng định không nợ nần gì đối với anh Thi Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Thi Văn T trình bày: Lời khai của bị cáo Trần Văn K là không đúng sự thật. Bị cáo Trần Văn K là người chủ động rủ anh đi sang Trung Quốc lao động làm thuê, ngoài K ra thì không còn ai khác rủ anh đi sang Trung Quốc. Khi đã sang Trung Quốc thì K là người chấm công và phát lương cho mọi người, anh và một số người nhận lương trực tiếp từ K chứ không phải với chủ người Trung Quốc. Thời gian làm thuê khoảng hơn một tháng, với số tiền công được hưởng 2.900 NDT. Hiện K chưa trả cho anh đồng nào, khi về Việt Nam thì anh phải vay tiền của những người khác trong nhóm để về. Nay anh yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả cho anh 11.500.000 đồng là tiền công anh làm thuê bên Trung Quốc mà Khải vẫn giữ lại chưa trả cho anh. Anh có xuất trình cho Hội đồng xét xử một bản giấy viết tay mà theo anh đó là văn bản ghi chép ngày công lao động của những người đi chặt mía bên Trung Quốc do chính Trần Văn K viết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vương Văn T khai: Anh với bị cáo K chỉ là quen biết thông thường chứ không họ hàng gì. Ngày 10/10/2017 (âm lịch) K có nói với anh là "Nếu đi làm (nghĩa là đi sang Trung Quốc làm thuê) thì ra ngã 3 đồng man. Anh có hỏi K sang Trung Quốc làm việc gì thì K nói là chặt mía. Trên đường đi anh có đưa cho Khải 250.000 đồng tiền xe đi lại, khi sang đến Trung Quốc thì K là người chấm công và phát lương cho anh. Ngoài ra anh vẫn giữ nguyên những lời khai khác như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Ngoài ra có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tại phiên tòa như anh Vương Văn T, anh Trần Văn Q, chị Mã Thị S, anh Lục Văn N, anh Trần Văn D vẫn giữ nguyên những lời khai tại Cơ quan điều tra và khẳng định việc đi cùng Trần Văn K sang Trung Quốc làm thuê là tự nguyện xin đi cùng.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt này tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài".
- Áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt Trần Văn K từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/10/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo Trần Văn K và anh Thi Văn T không thỏa thuận giải quyết được vấn đề tiền bạc với nhau, những lời khai và chứng cứ trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ để xác định bị cáo Trần Văn K còn nợ tiền công đối với anh Thi Văn T. Do vậy nếu anh Thi Văn T vẫn yêu cầu bị cáo K phải bồi hoàn cho anh số tiền công chưa trả khi đi chặt mía thuê bên Trung Quốc thì anh T có thể khởi kiện ra Tòa án đối với Trần Văn K để được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh có đủ căn cứ chứng minh cho sự việc đó.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Trần Văn K không có ý kiến gì tham gia tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh khó khăn, bị cáo hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo không biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Thi Văn T không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về xử lý trách nhiệm dân sự. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo Trần Văn K phải bồi thường số tiền 11.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Việc yêu cầu bồi thường của anh Thi Văn T là không có căn cứ để chấp nhận vì văn bản anh cung cấp cho Hội đồng xét xử chỉ thể hiện các con số về việc Trần Văn K chấm công cho những người làm thuê, còn việc trả tiền giữa bị cáo K và những người làm công như thế nào thì không thể hiện, không đủ cơ sở để xác định bị cáo K có nợ tiền công của anh. Nếu anh có yêu cầu về vấn đề bồi thường thì có thể khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có ý kiến gì tham gia tranh luận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do

vậy hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn K khai nhận: Ngày 06/02/2017 (tức ngày 10/01/2017 âm lịch) bị cáo đã cùng 24 người trên địa bàn các huyện L và huyện S của tỉnh B vượt biên trái phép sang Trung Quốc để lao động làm thuê. Nhưng bị cáo không thừa nhận có hành vi tổ chức cho nhóm người này vượt biên sang Trung Quốc mà do tất cả những người này tình nguyện xin được đi cùng. Bị cáo chỉ là người đứng ra liên hệ thuê xe, thu tiền xe, liên hệ với người dẫn đường qua biên giới (người tên là D). Bị cáo không rủ rê, lôi kéo ai cả, bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc đưa những người này sang Trung Quốc.

Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bị cáo không nhận tội và luôn kêu oan nhưng căn cứ vào những chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có đủ căn cứ khẳng định chính bị cáo là người chủ động gọi điện, rủ rê lôi kéo những người khác cùng sang Trung Quốc làm thuê, mặc dù bị cáo cho rằng những người này chủ động liên hệ và xin đi cùng nhưng trước đó bị cáo đã đặt vấn đề với họ là nếu có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê thì bảo với bị cáo. Nếu bị cáo không gọi điện liên hệ và gọi xe đến đón cũng như đứng ra thu, chi trả tiền xe và liên hệ với người tên D (là người dẫn đường qua biên giới) thì những người trong nhóm này sẽ không thể thực hiện việc trốn sang Trung Quốc một cách thuận lợi được. Không những thế khi đã sang Trung Quốc bị cáo còn là người đứng ra chấm công và chi trả lương, tạo điều kiện để cho những người này yên tâm làm việc và ở lại trái phép bên đất nước khác.

Như vậy hành vi của bị cáo Trần Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Trần Văn K về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật và không oan đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất trật tự trị an tại khu vực biên giới. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và là người có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo thể hiện thái độ quanh co trốn tội, không thành khẩn khai báo nhưng xét thấy vấn đề này là do nhận thức pháp luật hạn chế của bị cáo. Sau khi được Hội đồng xét xử phân tích thì bị cáo đã hiểu hành vi của mình là vi phạm pháp luật và bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, xin được hưởng án treo. Do vậy xét thấy cần thể hiện tính khoan hồng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xét là phù hợp quy định của pháp luật cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với việc bị cáo đề nghị được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Mặt khác tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo đã tổ chức cho nhiều người vượt biên trốn sang Trung Quốc làm thuê rồi ở lại nước ngoài trong một thời gian dài. Do vậy không chấp nhận đề nghị xin hưởng án treo của bị cáo, xét thấy như vậy là phù hợp quy định của pháp luật cũng như đảm bảo tính đấu tranh, ngăn chặn đối với loại hình tội phạm này.

Đối với đối tượng tên D là người được Trần Văn K thuê để đưa các lao động vượt biên trái phép sang Trung Quốc nhưng do Cơ quan điều tra không xác minh được tên, tuổi, địa chỉ và áp dụng biện pháp xử lý được, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Lãnh Văn H là người cho K số điện thoại của chủ xe chạy tuyến L - L S, nhưng khi cho K số điện thoại anh H không biết mục đích của K thuê xe để đưa các lao động vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Hội đồng xét xử xét thấy không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với anh Lãnh Văn H. Do vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với lái xe chạy tuyến L – L S mà K đã thuê để đưa các lao động đi từ huyện L, tỉnh B đến huyện L, tỉnh L S. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, nhân thân của người này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Thi Văn T, Trần Văn C, Vương Văn T, Trần Văn N, Vi Văn T, Thi Văn H, Thi Thị Đ, Mã Thị S, Nông Văn T, Trần Thị M, Hoàng Thị N, Trần Văn Di, Trần Văn P, Lý Thị T là những người đã có hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với mục đích lao động làm thuê. Công an huyện L đã xử lý bằng biện pháp hành chính hành chính. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề này.

Đối với Vương Văn V, Lục Văn N, Lương Văn Q, Trần Văn Q, Vi Văn M, Vi Văn T, Hoàng Văn P, Trần Văn C và 02 người bạn của Cấm, quá trình điều tra do những người này không có mặt tại địa phương nên không thể xác minh, điều tra làm rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp tục điều tra, xác minh khi có căn cứ sẽ xử lý sau. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với việc anh Thi Văn T yêu cầu bị cáo Trần Văn K phải trả cho anh số tiền 11.500.000 đồng là tiền công làm thuê bên Trung Quốc. Xét thấy tại phiên tòa hôm nay các bên không thỏa thuận được với nhau vấn đề này, bị cáo Trần Văn K không thừa nhận việc còn nợ tiền công của anh T, mặt khác anh T cũng không xuất trình được căn cứ gì để chứng minh cho việc K còn nợ tiền công của anh. Quá trình điều tra vụ án, căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở để buộc bị cáo Trần Văn K phải hoàn trả cho anh Thi Văn T số tiền 11.500.000 đồng. Do vậy nếu anh Thi Văn T vẫn yêu cầu bị cáo K phải bồi hoàn cho anh số tiền trên thì anh T có thể khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật về dân sự.

Những người khác đã được K đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc đều không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/10/2017.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Công an huyện L;
- VKSND huyện L;
- UBND xã B, huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bộ phận THAHS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn